

Tính Quân Bình Trong Khoa Học và Trong Triết Việt Thể Hiện Qua Ca Dao Tục Ngữ Việt Nam

Thái đông A

Dẫn nhập

Ca dao tục ngữ là một bộ phận quan trọng của văn hóa bình dân. Ca dao tục ngữ được truyền miệng từ đời này sang đời khác, gồm những câu thơ thuộc nhiều thể loại khác nhau, chứa đựng những nội dung phong phú về nhiều lãnh vực tâm lý, tình cảm, xã hội, triết học, lịch sử, v.v...

Không ai biết được rằng có bao nhiêu câu ca dao tục ngữ hiện còn được lưu truyền trong dân gian, chỉ biết rằng ông Nguyễn Văn Ngọc đã sưu tầm được hơn 7.000 câu và cho in năm 1958, sách của ông có tên là “Tục ngữ phong dao”.

Những tác giả khác cũng có làm công việc sưu tầm này nhưng ít hơn.

Ca dao tục ngữ là một kho tàng vĩ đại chứa đựng những tư tưởng của tổ tiên chúng ta về xã hội tình cảm triết học...

Những tư tưởng này đã xây dựng và nuôi dưỡng những con người Việt Nam từ đời này qua đời khác trong dòng lịch sử 4000 năm của dân tộc.

Đã đến lúc chúng ta phải nghiên cứu và hệ thống hóa những tư tưởng này thành một hệ tư tưởng Việt vô cùng cần thiết cho các thế hệ trẻ trong cũng như ngoài nước, hiện tại cũng như trong tương lai. Để góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp văn hóa này tôi xin trình bày hôm nay một đề tài có tên là :

“Tính quân bình trong khoa học và trong triết Việt được thể hiện qua ca dao tục ngữ Việt Nam”

Bài này gồm 3 phần:

- . **Tổng quát về luật quân bình.**
- . **Luật quân bình trong triết Việt thể hiện qua ca dao tục ngữ.**
- . **Kết luận.**

I. Tổng quát về luật quân bình :

Để quý vị có thể nhận thấy sâu sắc hơn tính ưu việt của nền triết Việt tôi xin mạn phép được trình bày về luật quân bình trong khoa học và trong triết học.

Luật quân bình là một luật phổ quát nhất, nó hiện diện ở mọi nơi, mọi thời, nó chi phối mọi biến động ở trong trời đất, nó chi phối mọi hành vi và hoạt động của con người.

Tôi có thể định nghĩa luật quân bình như sau:

Luật quân bình gồm hai lực bằng nhau tác động ngược chiều và hỗ tương để tạo sự quân bình hay tái tạo sự quân bình;

Mỗi khi có một lực tác động liền có một phản động lực tương đương và ngược chiều để tạo sự quân bình;

Điểm quân bình là nơi mà âm dương gặp nhau, trong Hệ Từ của dịch truyện có nói (nhất âm nhất dương chi vi đạo) – Một âm một dương là đạo trời, nơi đó không có xấu tốt, chỉ có đạo, một sự tĩnh lặng tuyệt đối; nơi đó không còn phân biệt A và B, A là B và B là A, tức là $A = B$ hay $A - B = 0$; đó là nơi an định tuyệt đối, nhà Phật gọi nó là chân như, nơi mà sắc tức thị không, không tức thị sắc. Nhà nho cho đó là chánh tâm, nơi không có vui buồn, tham, sân, hận và Lão Tử cho đó là đạo, Lão Tử nói Đạo ở mọi nơi, mọi chốn, ở cả những nơi đơ bản nhất.

Ở Đông Phương các Đạo đều lấy luật quân bình làm căn bản, Đạo Phật gọi đó là Chân Như, Khổng Tử gọi đó là thái cực, Lão Tử gọi đó là Đạo, còn các hiền giả Việt Nam gọi đó là tiên rồng, vương tròn (âm dương).

Luật quân bình ở mọi nơi mọi chốn, hiện diện ở trong tâm và cũng hiện diện ở ngoài thiên nhiên nữa. Chính Newton đã khám phá ra luật quân bình này, luật này nói:

Đối với một lực tác động luôn luôn có một phản động lực tương đương và ngược chiều.

Nhờ luật này người ta đã sản xuất ra hỏa tiễn và máy bay phản lực. Nhưng Newton không biết rằng luật này là một luật quân bình, nó phổ quát và hiện diện ở mọi nơi mọi chốn mà chỉ biết là một trong trăm ngàn định luật vật lý khác.

Người Tây Phương không có ý niệm gì về luật quân bình, triết học Tây Phương là triết học tĩnh chỉ chú trọng tới những gì nhìn thấy được bằng mắt, có thể đo đếm được. Họ dùng phương pháp tư duy gọi là luận lý một chiều làm dụng cụ để truy tìm chân lý. Khi muốn áp dụng loại luận lý này thì họ phải chấp nhận nguyên lý triết tam. Nguyên lý này nói : A là A, B là B, A không thể là B và B không thể là A, A không thể cùng một lúc vừa là A và vừa là B, và ngược lại. Nếu chấp nhận nguyên lý triết tam thì phải phủ định luật quân bình vì tại điểm quân bình thì A là B và B là A hay $A = B$ và $A - B = 0$.

Mãi tới gần đây, khoa vật lý lượng tử và khoa vật lý hạ nguyên tử mới khám phá ra được luật quân bình mà họ gọi là thực tại lượng tử. Một trong những thực tại lượng tử được phát biểu như sau:

“Thực tại gồm hai phần, phần tiềm ẩn và phần thể hiện”

(Reality is two fold, consisting of potentials and actualities) nói khác đi sự vật gồm hai phần một âm (tiềm ẩn) và một dương (thể hiện) mà đã có âm dương thì ắt có quân bình.

Xin nhắc lại câu trong hệ từ của dịch truyện “Nhất âm nhất dương chi vị đạo” – một âm một dương là đạo trời. Câu này cũng nói cái ý mà các khoa học gia tân vật lý đã phát biểu ở trên.

Sự phát hiện này đối với Tây Phương có một tầm mức quan trọng vì đó là lần đầu tiên họ công nhận là sự vật gồm có hai phần âm dương quân bình. Họ phải mất 25 thế kỷ (kể từ thời Socrate tới nay) với bao nhiêu dụng cụ tối tân mới tìm ra được cái mà người Việt Nam và Á Đông đã phát hiện cả mấy ngàn năm trước đây. Hệ quả của sự khám phá trên đã dẫn đến sự từ bỏ loại luận lý hình thức, tam đoạn luận này mà Aristotle đã chế tạo ra để làm dụng cụ truy tìm chân lý. Người ta bây giờ nói đến một loại luận lý lượng tử, còn được gọi là tư duy hệ thống (system thinking).

Điều này báo hiệu cho sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống triết học Tây Phương vì dụng cụ để đi tìm chân lý bây giờ đã trở thành vô dụng.

Về vấn đề này Capra đã phát biểu như sau:

Chúng ta đã kiểm tra chân lý mà Đông Phương họ đã kiếm ra từ ngàn năm xưa, chúng ta có nên vứt bỏ tất cả các công trình khoa học để đi về Đông Phương học hỏi hay không? Ông đã tự trả lời rằng :”***Ta có thể vẫn tiếp tục làm công tác khoa học để tạo ra của cải vật chất nhưng chúng ta phải về Đông Phương để học họ cách sống một đời sống hạnh phúc.***”

Các trí thức thượng thặng của Tây Phương đang tìm về Đông Phương để kiếm con đường sống cho họ.

Vậy người Việt Nam và người Á Đông chúng ta có cái gì mà người Tây Phương đang ngưỡng vọng. Xin thưa tôi sẽ trình bày một phần nào đó về cái tư tưởng vĩ đại đó mà người Tây Phương đang đi tìm kiếm.

II. Luật quân bình trong triết Việt thể hiện qua ca dao tục ngữ Việt Nam

Trước hết, triết Việt có cơ cấu, nội dung và hình thức như thế nào? Để có thể hiểu được triết Việt, để có thể thấy cái hay và cái ưu việt của triết Việt ta phải so sánh với triết học Tây Phương. Triết học Tây Phương gồm có 3 phần: Vũ trụ luận, Nhân sinh luận và phương pháp tư duy được mệnh danh là Luận lý học.

Triết Việt cũng gồm đầy đủ 3 phần đó nhưng Luận lý học của triết Việt khác với Luận lý học Tây Phương.

1. Vì triết Việt là minh triết nên cách trình bày không gồm những lý luận rườm rà, những lý thuyết xa rời thực tế mà là những câu ngắn gọn dễ hiểu nhưng chứa đựng những chân lý có khả năng khai ngộ và hiệu quả tức thì.

2. Phương pháp tư duy dùng để diễn đạt, dẫn dắt tâm trí người ta thì triết Việt trong ca dao tục ngữ Việt Nam sử dụng một loại luận lý gọi là luận lý hai chiều và cũng có thể gọi là lưỡng đạo luận hay luận lý nhị phân. Luận lý hai chiều lấy luật quân bình làm mục tiêu. Đưa ra hai ý đối nghịch nhau hay hai ý đối xứng nhau để làm sáng tỏ một ý thứ ba. Phương pháp này được sử dụng rất thường và có hiệu quả mà ta thấy được ở trong ca dao tục ngữ.

Tôi sẽ làm sáng tỏ vấn đề này qua hai tiểu mục

Vũ trụ luận và Nhân sinh luận, được trình bày dưới đây:

a. Vũ trụ luận :

Người Việt Nam tiếp xúc với thiên nhiên học hỏi và hiểu được sự cấu tạo và biến hóa của sự vật, suy ra những luật tắc của thiên nhiên và suy ra được những quy luật của thiên nhiên.

Người Tây Phương quan niệm sự biến hóa theo một đường thẳng, còn người Việt Nam cho sự biến hóa của sự vật theo một vòng tròn có chu kỳ như hết sáng rồi lại tối, mặt trời mọc buổi sáng lặn buổi tối, không ai trẻ mãi không già để diễn tả ý này, ca dao có câu:

“Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”

“Trời sinh voi sinh cỏ”,

nghĩa là đã có âm thì phải có dương.

“Trong họa có phúc, trong phúc có họa”

Cũng như kinh dịch nói trong dương có âm, trong âm có dương như truyện tái ông mất ngựa.

Người Việt tin rằng trời đất được cấu tạo bởi hai khí âm dương. Sống theo thiên lý tức là sống hòa hợp âm dương, nếu sống hòa hợp âm dương thì sẽ đem lại thành công về vật chất và tinh thần.

3 vuông sánh với 7 tròn.

Đòi cha vinh hiển, đòi con sang giàu.

Vuông là âm, tròn là dương. Đây là một định lý sống không thể nào sai lệch vì đó là thiên lý.

Đây là triết lý sống mà phải thông suốt hết ý nghĩa của quyển kinh dịch mới có thể phát biểu được như vậy.

Người Việt Nam đã thể hiện được một luật của tạo hóa mà không thể thay đổi được đó là luật quân bình: Đã có âm là phải có dương, không bao giờ có cô dương hay cô âm, nhưng người Việt đã diễn tả ngắn gọn hơn, hiệu quả hơn là những gì đã được diễn tả trong các kinh sách của Nho và Lão giáo. Thí dụ câu:

Có đi có lại mới toại lòng nhau

Một người dân quê chất phác cũng có thể phát biểu luật quân bình này với một cách rất tự nhiên và hiểu rõ nó như là một tiêu chuẩn đạo đức.

Đây cũng là một loại lý luận theo phương pháp luận lý hai chiều, nghĩa là đưa ra hai ý đối nghịch hay đối xứng nhau để làm rõ nghĩa, cái ý thứ ba là sự hòa thuận giữa hai người. Nó rất dễ hiểu và ai cũng có kinh nghiệm để mà thể hiện và nhận ra chân lý đó. Nó rất hiệu quả là vì hiểu được cái lý này (và đây là một thiên lý) thì sẽ hiểu được và có thể thực hành một cách có ý thức những đạo lý khác như:

Nhân-Nghĩa-Hiếu-Đễ, vì những đạo lý này cũng lấy nguyên lý đó làm căn bản tức là nguyên lý có đi có lại mới toại lòng nhau.

Trên đây là một vài luật tắc thiên nhiên mà đã được các hiền giả vô danh diễn đạt bằng lý luận hai chiều, cái luật tắc thiên nhiên đó chính là luật quân bình, nó sẽ làm mẫu mực cho triết lý nhân sinh sẽ được trình bày sau đây:

b-Nhân sinh luận:

Vì quan niệm sống theo thiên lý là phải sống hòa hợp âm dương, nên đạo sống của người Việt Nam là đạo hòa hay đạo quân bình. Có 3 cái xung đột làm đời ta khốn đốn:

- . Là mình xung đột với người;
- . Là mình xung đột với thiên nhiên;
- . Mình xung đột với mình.

Muốn có một đời sống hạnh phúc thì phải có cách để khắc phục 3 cái xung đột nói trên. Nói một cách khác, đạo sống mà người Việt Nam trải qua bao nhiêu ngàn năm đã khám phá ra được một đạo sống mà tôi gọi là Đại Hòa Đạo, tức là cái đạo khắc phục được 3 cái xung đột trên tức là,

- . Hòa với thiên hạ;
- . Hòa với thiên nhiên;
- . Hòa với chính mình.

Dưới đây tôi xin trình bày triết Việt đã diễn đạt như thế nào về cái đại đạo này.

1- Hòa Với thiên hạ

Không có ai có thể sống riêng lẻ được, sống là sống với người, nếu không có sự hòa thuận với người thì ta không thể nào an tâm được, vì vậy nghệ thuật sống hạnh phúc là nghệ thuật làm hòa với thiên hạ. Người quan trọng nhất mà mình phải làm hòa với người vợ hay người chồng mình, nên tục ngữ Việt Nam có câu:

Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.

Câu này cũng là một loại luận lý hai chiều, một chiều là thuận vợ thuận chồng, một chiều kia là tát bể đông cũng cạn, hai ý tưởng đối xứng để diễn đạt một ý thứ ba là bất cứ một vấn đề gì dù lớn như là tát cạn bể đông cũng làm được nếu thuận vợ thuận chồng. Nó đã nói lên một chân lý và có một sức thuyết phục người ta vào con đường hạnh phúc, đó là đối với người phối ngẫu, còn đối với xã hội thì sao? Hòa với mọi người trong xã hội thì rất khó, thì cần thêm một yếu tố khác nữa, đó là lòng thương người.

Lòng nhân, lòng thương người, lòng bác ái đều là những đức tính được xếp hàng đầu trong các đạo Khổng, Lão, Phật và cả Thiên Chúa giáo. Về điểm này triết Việt có một lối diễn đạt và dẫn dụ vô cùng đơn giản và vô cùng hiệu quả. Tại đây phương pháp luận ý hai chiều cũng được sử dụng.

Thương người như thể thương thân: Ở đây cũng sử dụng luận lý hai chiều: Người đồng loại cũng có thân phận như mình, cũng có vui buồn sầu khổ như mình, mình đã thương mình thì cũng phải thương người. Một câu tục ngữ cũng tương tự như vậy:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Nhưng về phương diện này, không câu tục ngữ nào hiệu quả bằng câu tục ngữ sau đây:

Thương nhau quả ấu cũng tròn

Ghét nhau bồ hòn cũng méo.

Đây là một luận lý hai chiều được trình bày trên một chiều kích cao hơn.

Đưa ra hai hình ảnh hay hai cảnh giới đối xứng và đối nghịch nhau để dẫn dắt người ta tới một ý thứ ba.

Một bên là cảnh giới thương nhau trong cảnh giới này xấu cũng là tốt, cảnh giới không phân biệt tốt xấu đó là cảnh giới thần tiên. Trái lại một cảnh giới khác đó là sự thù ghét nhau, trong cảnh giới này tất cả mọi thứ đều là xấu, đều là đen tối.

Đưa hai hình ảnh đó để người ta nhận rõ một điều thứ ba là không nên thù ghét nhau và phải cố gắng thương nhau, đó là điều khó khăn nhưng nên cố gắng để tránh một hình ảnh đen tối xấu xa.

2. Hòa với thiên nhiên :

Người dân quê Việt Nam sống chung và hòa đồng với thiên nhiên, vì thiên nhiên không những tác động đến tâm tư, tình cảm của họ cho họ những suy nghĩ, những cảm xúc mà còn đem lại cho họ những lợi ích vật chất cần thiết cho đời sống. Nên họ tiếp xúc tìm hiểu thiên nhiên, chúng ta hãy nghe:

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông gió, trông ngày trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.

Tìm hiểu được thiên nhiên để trồng trọt đúng lúc, đúng thời vụ hầu đạt được những kết quả tốt đẹp.

Tháng chạp là tháng trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.

3. Hòa với chính mình :

Muốn hòa với người và hòa với thiên nhiên thì đầu tiên mình phải hòa với chính mình trước đã. Đây là một vấn đề lớn của loài người, các triết gia Tây

Phương đã chịu thua, đây là lãnh vực của các tôn giáo. Các đạo Khổng Lão Phật đều coi đây là vấn đề quan trọng hàng đầu. Thật vậy, hòa với mình là một vấn đề khó khăn, thí dụ như làm sao để cảm thấy đủ, đã có một nhà lại muốn có thêm một cái nữa. Lòng tham là cội nguồn của đau khổ, như đạo Phật đã nói, nhưng làm sao để cảm thấy đủ. Nhà nho Nguyễn Công Trứ đã đề nghị là “tri túc tiện túc, hà thời túc”, tức là biết đủ thì tự nhiên sẽ thấy đủ, nhưng ông không chỉ làm cách nào thì biết đủ.

Tục ngữ Việt Nam đã chỉ cho ta cách thức để biết đủ, cũng vẫn là phương pháp tư duy nhị phân hay là lý luận hai chiều:

Trông lên mình chẳng bằng ai

Trông xuống thì mình vẫn hơn nhiều người

Câu này đưa ra một chân lý là mình u tối chỉ suy nghĩ một chiều, mình chỉ có biết nhìn lên mà không biết nhìn xuống, nhìn xuống mới nhận ra được chân lý thí dụ là mình có lương 40.000 đồng/ một năm, và mình trông xuống thì có bao nhiêu tỷ người kém mình.

III. Kết luận

Để kết luận tôi xin có hai nhận xét sau đây:

1) Ca dao tục ngữ Việt Nam là một kho tàng vĩ đại, trong đó chứa đựng một nền triết lý nhân bản lấy Đạo Đại Hòa làm nền tảng, nền triết lý này có một phương pháp luận độc đáo không thấy ở bất cứ một nền triết học nào kể cả các nền triết học Đông Phương khác. Đó là luận lý hai chiều, hay còn gọi là luận lý nhị phân, lưỡng đạo luận. Ngoài ra tôi nghĩ còn nhiều điều quan trọng khác chưa được khám

phá ra, cần nhiều trí não và cố gắng của nhiều người để tạo dựng một hệ thống tư tưởng Việt Nam độc đáo và ưu việt.

2) Suốt một thế kỷ qua chúng ta đã đi từ sai lầm này đến sai lầm khác, đi từ thất bại này sang thất bại khác tại vì chúng ta tư tưởng sai, tư tưởng hướng dẫn hành động, vì tư tưởng sai nên hành động phải sai, vì tư tưởng sai nên hành động phải thất bại. Chúng ta đã mượn tư tưởng của người khác làm tư tưởng của mình, chúng ta đã vong bản xa rời gốc rễ của mình. Đã đến lúc chúng ta phải trở về với cội nguồn, nghiên cứu và hệ thống hóa những tư tưởng của tổ tiên thành một hệ tư tưởng Việt lấy ca dao tục ngữ Việt Nam là một nguồn tư liệu căn bản và chính yếu.

Thái đông A